

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 836/2022/DSPT
Ngày: 28/12/2022
Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HCM
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Ngọc Tường
2. Bà Phan Thị Tú Oanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HCM tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Trinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố HCM xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 434/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 3110/2022/DS-ST ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố TP, Thành phố HCM bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5886/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Số 175 đường Lê Văn V, khu phố T, phường HP, Thành phố TP, Thành phố HCM.

Địa chỉ nơi cư trú: Số 15 đường Trương Văn H, khu phố H, phường Tăng Nhơn P B, Thành phố TP, Thành phố HCM.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Thu T, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số 23 đường 5, khu phố 3, phường LT, Thành phố TP, Thành phố HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Đoàn Văn Đ trình bày:

Ngày 17/6/2020, Ông Đoàn Văn Đ có cho Bà Hoàng Thị Thu T vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất vay 2%/tháng. Bà T trả dần vốn và lãi từ ngày 17/6/2020 đến ngày 17/5/2021, vốn là 40.800.000 đồng, lãi là 82.500.000 đồng. Từ ngày 17/5/2021, Bà T không tiếp tục trả vốn, lãi.

Ngày 20/11/2020, Bà T vay tiếp của Ông Đ số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất vay 1,5%/tháng. Bà T trả tiền lãi từ ngày 20/11/2020 đến ngày 20/5/2021 là 36.000.000 đồng. Từ ngày 20/5/2021, Bà T không trả vốn, lãi nữa.

Ngày 20/10/2021, Ông Đ và Bà T ký giấy vay tiền, số tiền vay 950.000.000 đồng, lãi suất vay 20%/năm, thời hạn vay từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/10/2022. Hai bên thỏa thuận, nếu quá 01 tháng mà bên vay không trả lãi thì thời hạn trên bị hủy bỏ, không còn giá trị thực hiện. Bên vay phải hoàn trả vốn cho bên cho vay. Bà T đã trả lãi cho Ông Đ từ ngày 20/02/2022 đến ngày 20/3/2022, mỗi tháng 8.000.000 đồng là 16.000.000 đồng. Từ ngày 20/3/2022 đến nay, Bà T không tiếp tục trả vốn, lãi cho Ông Đ. Ông Đ đã nhiều lần yêu cầu Bà T trả nợ vay nhưng Bà T không trả. Do đó, Ông Đ khởi kiện yêu cầu Bà T trả số tiền vay gốc còn lại là 845.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/3/2022 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 27/6/2022 là 57.686.000 đồng. Tổng cộng là 902.686.000 đồng. Kể từ ngày 28/6/2022 cho đến khi trả hết nợ, Bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là 20%/năm.

Ông Đ chỉ yêu cầu cá nhân Bà T có trách nhiệm trả nợ vay cho Ông Đ, không liên quan đến ai khác. Số tiền Ông Đ cho Bà T vay là tiền riêng của cá nhân Ông Đ, không liên quan đến vợ là bà Nguyễn Thị Hồng Phước. Ông Đ đề nghị Tòa án không đưa bà P vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà P cũng có văn bản xác nhận số tiền Ông Đ cho Bà T vay là tiền riêng của Ông Đ, không liên quan đến bà P, bà P cũng đề nghị Tòa án không đưa bà P vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn Bà Hoàng Thị Thu T trình bày:

Ngày 17/6/2020, Bà T vay của Ông Đ số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, không xác định thời hạn vay. Bà T trả lãi hàng tháng cho Ông Đ là 8.000.000 đồng và tiền gốc, trả từ tháng 7/2020 đến tháng 05/2021. Tổng cộng cả gốc và lãi Bà T đã trả cho Ông Đ là 128.800.000 đồng. Đến tháng 5/2021, tiền nợ gốc Bà T còn nợ Ông Đ là 359.200.000 đồng.

Ngày 20/11/2020, Bà T vay tiếp của Ông Đ số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, không xác định thời hạn vay. Hàng tháng Bà T trả tiền lãi cho Ông Đ là 6.000.000 đồng, trả từ tháng 12/2020 đến tháng 5/2021, tổng cộng là 36.000.000 đồng.

Bà T xác định Bà T không có nhận số tiền vay 950.000.000 đồng vào ngày 20/10/2021 như giấy vay tiền của Ông Đ. Bà T chỉ vay Ông Đ 02 lần vay trên, ngoài ra, không vay số tiền nào khác.

Sau khi đối chiếu khoản nợ với Ông Đ, Bà T xác nhận có vay tiền của

Ông Đ theo nội dung giấy vay tiền ngày 20/10/2021. Bà T đồng ý trả số tiền vay gốc 845.000.000 đồng, nhưng không đồng ý trả tiền lãi từ ngày 20/3/2022 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 20%/năm, tạm tính đến ngày 27/6/2022 là 57.686.000 đồng. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, Bà T không có khả năng trả nợ cho Ông Đ, Bà T xin miễn tiền lãi và được trả dần tiền gốc là 845.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ gốc trên. Việc vay tiền là cá nhân Bà T vay riêng, không liên quan đến người khác. Bà T đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho Ông Đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 3110/2022/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố TP, Thành phố HCM đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Đoàn Văn Đ.

Buộc Bà Hoàng Thị Thu T có trách nhiệm trả cho Ông Đoàn Văn Đ số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 18/8/2022 là 881.813.892 đồng (Tám trăm tám mươi một triệu tám trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ông Đoàn Văn Đ yêu cầu Bà Hoàng Thị Thu T có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi vượt quá 881.813.892 đồng (Tám trăm tám mươi một triệu tám trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng là 47.686.108 (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn một trăm lẻ tám) đồng.

3. Kể từ ngày 19/8/2022 cho đến khi thi hành án xong, Bà Hoàng Thị Thu T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/8/2022, bị đơn Bà Hoàng Thị Thu T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 25/8/2022, nguyên đơn Ông Đoàn Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ông Đoàn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn Bà Hoàng Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn Ông Đoàn Văn Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

Bị đơn Bà Hoàng Thị Thu T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm với lý do xin trả vốn gốc cho nguyên đơn mỗi tháng 4 triệu đồng và xin không trả lãi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HCM:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định Ông Đ cho Bà T vay tiền 02 lần:

Theo yêu cầu khởi kiện của Ông Đ yêu cầu Bà T trả tiền theo giấy vay nợ ngày 20/10/2021 là 845.000.000 đồng, lãi suất vay là 20%, thời hạn vay từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/10/2022. Hai bên thỏa thuận, nếu 1 tháng mà bên vay không trả lãi thì thời hạn trên bị hủy bỏ, không còn giá trị thực hiện. Bên vay phải hoàn trả ngay cả vốn đã nhận cho bên cho vay. Bà T đã trả lãi cho Ông Đ từ ngày 20/02/2022 đến ngày 20/3/2022, mỗi tháng 8.000.000 đồng. Từ ngày 20/3/2022 đến nay, Bà T không tiếp tục trả lãi cho Ông Đ, mặc dù Ông Đ đã nhiều lần yêu cầu trả nợ vay nhưng Bà T không trả. Do đó, Ông Đ khởi kiện yêu cầu Bà T trả số tiền vay gốc còn lại là 845.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/3/2022 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 20%/năm, tiền lãi tính từ ngày 20/01/2022 đến ngày xét xử theo mức lãi suất là 20%/năm tạm tính là 98.500.000 đồng. Trừ đi số tiền lãi 16.000.000 đồng mà Bà T trả trong tháng 2,3/2022 vậy tiền lãi còn lại là 84.500.000 đồng. Tổng cộng là 929.500.000 đồng. Kể từ ngày 19/8/2022 cho đến khi hành xong Bà T còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền phải trả cho Ông Đ theo mức lãi suất là 20%/năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa Bà T cũng xác định sự việc như Ông Đ trình bày và đồng ý trả theo giấy nợ trên. Tuy nhiên, khi Tòa thụ lý vụ án và nhận thấy khoản vay nợ lần 1 ngày 17/6/2020 vượt quá mức lãi suất cho phép nên tiến hành tính lại như trên.

Theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thì Ông Đ với Bà T thỏa thuận mức lãi suất 20%/năm là phù hợp.

Vì vậy, việc Ông Đ yêu cầu Bà T trả số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng tính đến ngày 18/8/2022 là 929.500.000 đồng là vượt quá nghĩa vụ của Bà T. Do đó, bản án chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Đ, buộc Bà T có trách nhiệm trả cho Ông Đ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/8/2022 là 881.813.892 đồng là có cơ sở.

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị sửa lại toàn bộ bản án, với lý do án sơ thẩm đã tính không đúng phần tiền lãi như ông tính. Nhận thấy, bản án sơ thẩm đã tính và xác định phần tiền gốc và lãi theo đúng quy định của pháp luật. Nên kháng cáo của Ông Đ là không có cơ sở để chấp nhận.

Bị đơn Bà T cũng kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, trong đơn bà trình bày là không đồng ý với số tiền lãi Ông Đ đưa ra, xin trả số tiền gốc và xin ngừng trả lãi vì bà đã trả số tiền lãi cho Ông Đ nhiều năm. Ngoài đơn kháng cáo ra, bị đơn cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy kháng cáo bị đơn là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên nhận thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như nhận định trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của Ông Đoàn Văn Đ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi không đúng, làm thiệt hại quyền lợi của ông. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và sự thừa nhận của các đương sự cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Ông Đoàn Văn Đ có cho Bà Hoàng Thị Thu T vay 02 lần tiền, mỗi lần 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Cụ thể:

Đối với khoản vay tiền ngày 17/6/2020, Ông Đ cho Bà T vay lãi suất 2%/tháng (24%/năm), đã vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định do các bên thỏa thuận, nên tòa án cấp sơ thẩm tính lại và căn trừ số tiền lãi Bà T trả vượt quá vào tiền gốc như sau: Từ ngày 17/6/2020 đến ngày 17/5/2021, Bà T trả lãi vượt quá quy định là 13.750.000 đồng ($82.500.000 \text{ đồng} - (82.500.000 \text{ đồng} \times 20\% : 24\%)$), được trừ vào nợ gốc. Do đó, từ ngày 17/5/2021, Bà T còn nợ Ông Đ số tiền gốc là 345.450.000 đồng ($539.200.000 \text{ đồng} - 13.750.000 \text{ đồng}$), từ ngày 17/5/2021 đến ngày 20/10/2021, Bà T còn nợ Ông Đ tiền lãi là 29.363.250 đồng, là đúng quy định của pháp luật.

Đối với khoản vay từ ngày 20/11/2020 đến ngày 20/10/2021, Bà T vay 400.000.000, lãi suất là 1,5%/tháng (18%/năm), lãi suất là 6.000.000 đồng/tháng. Bà T đã trả lãi từ ngày 20/11/2020 đến ngày 20/5/2021 (6 tháng) được 36.000.000 đồng. Và còn nợ tiền lãi từ ngày 20/5/2021 đến ngày 20/10/2021 (5 tháng) là 30.000.000 đồng. (không trả tiền gốc).

Như vậy, tính đến ngày 20/10/2021, Ông Đ và Bà T đã lập giấy vay nợ để chốt lại nợ của 2 lần vay trên (ngày 17/6/2020 và ngày 20/11/2020) trừ lãi và tiền nợ gốc mà Bà T đã trả cho Ông Đ trước đó. Ông Đ yêu cầu Bà T trả nợ là 845.000.000 đồng và tính lãi theo lãi suất 20%/ năm, Bà T cũng đồng ý trả theo giấy vay nợ trên. Tuy nhiên, khi Tòa thụ lý vụ án và nhận thấy khoản vay nợ lần 1 ngày 17/6/2020 vượt quá mức lãi suất cho phép nên tiến hành tính lại như sau: Tiền gốc và lãi là: $345.450.000 \text{ đồng (tiền gốc)} + 400.000.000 \text{ đồng (tiền gốc)} + 29.363.250 \text{ đồng (tiền lãi)} + 30.000.000 \text{ đồng (tiền lãi)} = 804.813.250 \text{ đồng}$, chứ không phải giống như giấy vay tiền hai bên lập là Bà T còn nợ Ông Đ số tiền 845.000.000 đồng.

Án sơ thẩm không chấp nhận việc Ông Đ yêu cầu Bà T trả số tiền gốc 845.000.000 đồng là có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thì đối với lần vay tiền 17/6/2020, Ông Đ cho Bà T vay lãi suất 2%/tháng (24%/năm) đã vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định mà các bên thỏa thuận. Đối với lần vay tiền ngày 20/11/2020, lãi suất vay là 1.5%/tháng (18%/năm) và đến ngày 20/10/2021, Ông Đ với Bà T thỏa thuận mức lãi suất là 20%/năm là phù hợp.

Vì vậy, việc Ông Đ yêu cầu Bà T trả số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng tính đến ngày 18/8/2022 là 929.500.000 đồng là vượt quá nghĩa vụ của Bà T. Do đó,

án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Đ, buộc Bà T có trách nhiệm trả cho Ông Đ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/8/2022 là 881.813.892 đồng là có cơ sở.

Xét, bản án sơ thẩm xử là có căn cứ, đã xác định phần tiền gốc và lãi theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo không đồng ý nội dung của bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã tính không đúng phần tiền lãi như ông tính, đề nghị sửa lại toàn bộ bản án sơ thẩm là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Thu T không đồng ý với số tiền lãi Ông Đ đưa ra và xin được trả tiền gốc mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi nữa, vì bà đã trả số tiền lãi cho Ông Đ nhiều năm. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 20/10/2021, Ông Đ và Bà T thỏa thuận gộp hai lần vay ngày 17/6/2020 và ngày 20/11/2020 lại với nhau với số tiền là 950.000.000 đồng và được điều chỉnh lại là 845.000.000 đồng (hai bên xác nhận không có giao nhận số tiền 950.000.000 đồng) và lãi suất vay là 20%/năm, thời hạn vay từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/10/2022. Hai bên thỏa thuận, nếu quá 01 tháng mà bên vay không trả lãi thì thời hạn trên bị hủy bỏ, không còn giá trị thực hiện. Bên vay phải hoàn trả vốn cho bên cho vay. Do Bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ông Đ khởi kiện yêu cầu Bà T trả nợ là phù hợp với quy định tại điều 466 bộ luật dân sự.

Bà T kháng cáo xin được trả nợ dần số tiền gốc mỗi tháng 4.000.000 đồng và xin ngưng trả lãi, nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Đ không đồng ý việc xin ngưng trả lãi của Bà T, nên Bà T vẫn phải tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ.

Do số nợ của Bà T chỉ mới tính lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm, nên lãi suất vẫn được tiếp tục tính từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Bà T trả hết nợ cho Ông Đ.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm các đương sự phải chịu. Tuy nhiên Ông Đ là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Đoàn Văn Đ và bị đơn Bà Hoàng Thị Thu T;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Đoàn Văn Đ.

Buộc Bà Hoàng Thị Thu T có trách nhiệm trả cho Ông Đoàn Văn Đ số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 18/8/2022 là 881.813.892 đồng (Tám trăm tám mươi một triệu tám trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ông Đoàn Văn Đ yêu cầu Bà Hoàng Thị Thu T có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi vượt quá 881.813.892 đồng (Tám trăm tám mươi một triệu tám trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng là 47.686.108 (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn một trăm lẻ tám) đồng.

3. Kể từ ngày 19/8/2022 cho đến khi thi hành án xong, Bà Hoàng Thị Thu T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị Thu T phải chịu 38.454.417 (Ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm mười bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đoàn Văn Đ được miễn nộp tạm ứng án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm Bà Hoàng Thị Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0027592 ngày 26/8/2022 ngày của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố TP, Thành phố HCM.

Ông Đoàn Văn Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND Thành phố TĐ;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chi cục THADS Thành phố TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thảo